

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2024/HNGD-ST

Ngày: 18-06-2024

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung

Ông Bùi Thanh Nhiên

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thu Trà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, Sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2000 tại UBND phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc nhưng khoảng từ đầu năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị H có đi ngoại tình và bỏ nhà đi từ ngày 01/02/2024, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H.

-Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Anh, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Long Nhật, sinh này 09/01/2008. Cháu Mai Anh đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa giải quyết. Đối với cháu Long Nhật, anh T có nguyện vọng được nuôi con và chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con;

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về án phí: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết, bị đơn chị Lê Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn ngày 23/10/2000 tại UBND phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T đã đánh đập chị H, Chị H đã bỏ nhà đi từ ngày 22/12/2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Chị đã thuê nhà ở riêng tại phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình. Nay, anh T làm đơn xin ly hôn thì chị H không đồng ý, do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Anh, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Long Nhật, sinh ngày 09/01/2008. Cháu Mai Anh đã trưởng thành phát triển bình thường nên không có ý kiến gì. Còn cháu Long Nhật, nếu ly hôn thì tùy theo nguyện vọng con muốn ở với ai thì chị cũng đồng ý;

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị H đồng ý để anh T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của anh Nguyễn Trọng T, Tòa án đã tổng đạt và tiến hành báo gọi triệu tập đương sự. Quá trình hòa giải, bị đơn chị H không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh như sau:

Ông Phạm Văn Tăng, Tổ trưởng tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị H có sinh sống tại tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng anh T và chị H kết hôn năm 2000, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Việc anh Nguyễn Trọng T nộp đơn xin ly hôn thì ông Tăng có biết. Tuy nhiên, ông không biết mâu thuẫn cụ thể như thế nào. Ông chỉ biết rằng, vào khoảng tháng 01/2024, hai vợ chồng có xảy ra việc xô xát, đánh chửi nhau, chị H đã bỏ nhà đi cùng ngày hôm đó. Hiện nay, chị Lê Thị H sinh sống và làm việc ở đâu, ông cũng

không biết rõ, chỉ biết rằng suốt thời gian sau không thấy chị H có mặt tại địa phương. Tổ trưởng xác nhận, anh T và chị H có hai con chung, cháu Nguyễn Long Nhật đang ở với bố và ông bà nội, còn cháu Nguyễn Thị Mai Anh đang ở với mẹ, còn về tài sản chung, công nợ chung thì ông không biết rõ.

Ông Nguyễn Văn Nói là bố đẻ của anh Nguyễn Trọng T cung cấp như sau: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Trọng T và là bố chồng của chị Lê Thị H. Năm 2000, gia đình ông có tổ chức đám cưới cho anh chị. Sau khi cưới, chị H về làm dâu và vợ chồng sống chung với gia đình ông. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2022, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng do chị H có mối quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh chửi nhau. Khoảng đầu năm 2024, chị H bỏ nhà đi từ đó đến nay, có một đến hai lần về lấy quần áo. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến nhau. Nay anh Nguyễn Trọng T làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T và chị H có hai con chung, cháu Nguyễn Long Nhật đang ở với bố và ông bà nội, còn cháu Nguyễn Thị Mai Anh đang ở với mẹ, còn về tài sản chung, công nợ chung không có.

Chị Trần Thị Yến là hàng xóm và là em dâu của anh Nguyễn Trọng T cung cấp như sau: Chị có biết anh T và chị H nộp đơn xin ly hôn. Mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng chị không biết rõ. Chị chỉ biết đầu năm 2024, chị H đã bỏ nhà đi cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không thấy chị H về nhà.

Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Chị Lê Thị H **có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn với Lê Thị H. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Anh, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Long Nhật, sinh ngày 09/01/2008. Cháu Mai Anh đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa giải quyết, giao cháu Long Nhật cho anh T được nuôi dưỡng và chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T khai không có gì, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận anh Nguyễn Trọng T tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn chị Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Thị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng ly thân không còn sống chung. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thực trạng cuộc sống chung vợ chồng anh T và chị H, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung tồn tại rất nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, chị H đã bỏ nhà ra ở riêng, vợ chồng không còn sống chung trong một nhà. Từ nhận định trên thấy rằng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Anh, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Long Nhật, sinh này 09/01/2008. Cháu Mai Anh đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa giải quyết. Cháu Long Nhật nguyên đơn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện nay cháu Long Nhật đang ở cùng anh T tại tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình nên cần giao cháu Long Nhật cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng T ly hôn chị Lê Thị H.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Long Nhật, sinh ngày 09/01/2008 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị Lê Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi nuôi con theo quy định. Chị Lê Thị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo Biên lai số 0000301 ngày 25/03/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.